



Review Article

Preservation and Promotion of the Traditional Chèo in Vietnam Today

Le Tuan Cuong*

Vietnamese Cheo Theatre, 1 Giang Van Minh, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

Received 11 June 2020

Revised 20 June 2020; Accepted 22 June 2020

Abstract: Cheo, originated about 10 centuries ago, is a form of Vietnam's traditional folk art performance. Cheo derives from folk music and dance, especially parody. This form of folk art is the result of artistic creation of Vietnamese peasants from northern Vietnam to Nghe An and Ha Tinh provinces. Since its introduction, Cheo has received the attention and love of people of all walks of life for centuries. *Quan Am Thi Kinh, Luu Binh Duong Le, Truong Vien and Kim Nham* together with famous *chieng cheo: chieng cheo Doai, chieng cheo Bac, chieng cheo Dong*, etc. showed intense vitality and the spread of *Cheo*. However, along with the history of the national struggle, innovation, socio-economic development, especially international integration, new types of culture have been introduced to Vietnam while the traditional art has not caught up with the trend and has not met the demands of the public. This has directly contributed to the weakening of the values of traditional culture in general and folk art, including *Cheo*, in particular. By analyzing the historical and cultural documents, the article focuses on the process of formation and development of Vietnamese *Cheo*, and therefrom looks at the current state of this art form to propose measures for its preservation and promotion.

Keywords: Cheo, traditional, preserve, promote.

*Corresponding author.

Email address: letuancuongdd@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4242>

Bảo tồn và phát huy nghệ thuật chèo truyền thống ở Việt Nam hiện nay

Lê Tuấn Cường*

Nhà hát Chèo Việt Nam, 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 11 tháng 6 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 6 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 6 năm 2020

Tóm tắt: Chèo là một loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian cổ truyền của Việt Nam, ra đời cách ngày nay khoảng 10 thế kỷ. Chèo bắt nguồn từ âm nhạc và múa truyền thống, nhất là từ trò nhại. Hình thức này là kết quả sáng tạo nghệ thuật của người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ cho đến miền Nghệ An, Hà Tĩnh. Từ khi ra đời, chèo nhận được sự quan tâm và yêu thích của các tầng lớp nhân dân trong nhiều thế kỷ. *Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, Trương Viên, Kim Nham* cùng những chiếng chèo nổi tiếng: chiếng chèo Đoài, chiếng chèo Bắc, chiếng chèo Đông,... đã cho thấy sức sống mãnh liệt và sự lan tỏa của chèo. Tuy nhiên cùng với quá lịch sử đấu tranh giữ nước, đổi mới, phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt hội nhập quốc tế, nhiều loại hình văn hóa mới được du nhập vào Việt Nam trong khi nghệ thuật truyền thống không bắt kịp và đáp ứng yêu cầu của công chúng. Điều đó đã trực tiếp góp phần làm mai một đi các giá trị văn hóa truyền thống nói chung và nghệ thuật dân gian trong đó có chèo nói riêng. Bằng việc phân tích các tài liệu lịch sử và văn hóa, bài viết tập trung khái quát quá trình hình thành và phát triển của chèo Việt Nam trong lịch sử, từ đó nhìn vào đương đại của loại hình nghệ thuật này và đề xuất các biện pháp bảo tồn và phát huy.

Từ khóa: Chèo, truyền thống, bảo tồn, phát huy.

1. Nghệ thuật chèo trong lịch sử

Chèo và múa rối nước là hai nghệ thuật truyền thống độc đáo của người Việt. Tuy nhiên, khác với múa rối nước, các vở chèo thường có nhiều hoạt cảnh vui nhộn, trữ tình và nhiều kết thúc có hậu như mong ước “ở hiền gặp lành” của người nông dân. Trong khi tuồng (một nghệ thuật truyền thống của Việt Nam) tập trung ca tụng các hành động anh hùng của giới quý tộc, tinh anh trong xã hội, chèo lại quan tâm mô tả đời sống thường nhật, bình dị của người nông dân trong các làng xã. Từ thời kỳ của văn minh sông Hồng, vùng đất châu thổ nơi đây đã là cái nôi văn hóa và sinh sống của người Việt. Nền

văn minh lúa nước với các đơn vị hình chính là làng đã tạo ra một cộng đồng văn hóa - kinh tế bền chặt. Một số tài liệu cho rằng, khi mùa màng đã hoàn tất, một vụ bội thu, những người dân lại tổ chức các lễ hội để vui chơi, tạ ơn thần thánh đã trợ sức cho họ có cuộc sống no đủ. Trong những hoạt động cộng đồng này, các hình thức diễn xướng đầu tiên đã ra đời và diễn trên sân đình của làng [1], đó cũng là tiền thân của nghệ thuật chèo sau này.

Kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình) hồi thế kỷ X được coi là vùng đất tổ của nghệ thuật chèo. Theo một số tài liệu, người sáng lập và được coi là bà tổ của chèo là bà Phạm Thị Trân, một vũ ca tài hoa trong cung đình nhà Đinh [2]. Từ đây,

*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: letuancuongdd@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4242>

nghệ thuật chèo được phát triển rộng rãi ở khu vực phía Bắc và một phần của miền Trung. Thế kỷ XI, dưới thời nhà Lý (1010-1225), chèo đã vượt qua phạm vi trong dân gian mà phổ biến sâu rộng vào cả kinh thành Thăng Long. Giới thượng lưu bấy giờ (vua, quan, quý tộc) mê hát chèo. Sách *Việt sử thông giám cương mục* cho biết tháng 6 năm 1028, vua Lý Thánh Tông xuống lệnh cho mời phường chèo vào diễn mừng sinh nhật nhà vua. Về sau, lễ sinh nhật của các vua Lý tổ chức thành ngày hội ở Thăng Long và dĩ nhiên không thể thiếu vắng những phường chèo [3]. Tiếp đó, bia *Sùng Thiện diên linh* (lập năm 1121) có ghi chép khá tỉ mỉ về đội chèo của Thiên vương. Trong đó có đoạn “ở giữa bậc dưới, những cô gái tiên hươu vàng, nhạc quan đứng thành hàng dưới sân nhảy hát một lúc...”[4].

Sách *An Nam chí lược* [5] dưới thời nhà Trần ghi chép về đời sống văn hóa, văn nghệ trong cung đình và có đoạn đề cập đến diễn chèo. Vào ngày tất niên cuối năm, vua Trần ngự ở cửa Đoan cung để bách quan lạy mừng năm mới. Nhân dịp này, các phường chèo, phường hát cũng tới hát mừng nhà vua và văn võ bá quan.

Thế kỷ XV, các vua nhà Lê đã có những chính sách hạn chế cho biểu diễn loại hình nghệ thuật này trong cung đình do chịu ảnh hưởng của Khổng giáo¹. Chèo trở về với đời sống của nông dân trong làng xã, biểu diễn trong không gian cổ truyền và kịch bản lấy từng các truyện bằng chữ Nôm. Qua niệ truyền thống của Nho giáo phân chia thứ bậc trong xã hội thành 4 hạng (sĩ, nông, công, thương), như vậy những người hành nghề diễn xướng bị xem là “xướng ca vô loài”, “con hát”, và bị phân biệt, coi thường, con cái của họ không được đi học.

Việt sử thông giám cương mục ghi thời Hồng Đức (1470-1497), trong những điều dạy của vua Lê Thánh Tông với bách tính có hai điều răn, đó là: Cha mẹ dạy con phải đúng khuôn phép, không được để buông tuồng đấm đuối vào cờ bạc, rước chè, tập nghề hát xướng, hại đến phong tục; Khi chèo hát, lúc hội hè, trai gái đến chơi xem, không

được đứng ngón lẫn lộn, để ngăn ngừa thói dâm ô [3].

Theo sách *Hí phường phả lục* của Lương Thế Vinh năm 1501 thì một trong những vị tổ của nghệ thuật chèo là ông Đào Văn Sô. Sách này cũng cho biết: Hằng năm ông Đào thường đến các nhà hào trưởng để diễn lại hình ảnh các vị hào trưởng xưa cho con cháu họ xem. Như vậy, ông Đào được mời đến làm trò nhại để bắt trước như thật các vị quan chức đã qua đời [6, tr.13].

Nghệ thuật chèo tiếp tục tồn tại và phát triển lâu dài cho đến tận thế kỷ XVIII - thế kỷ của loạn lạc và khởi nghĩa nông dân. Lúc này, chèo truyền thống có sự chuyển biến căn bản về nội dung. Sân khấu chèo phản ánh mâu thuẫn gay gắt của xã hội (nông dân với địa chủ phong kiến). Chèo trở thành một vũ khí tinh thần để đấu tranh chống lại giai cấp thống trị.

Trong thế kỷ 19, dưới sức ép của Pháp và phương Tây, nhà Nguyễn đã phải chấp nhận ký các hiệp ước bất bình đẳng, nhượng bộ cho Pháp quyền lợi ở một số tỉnh ở Nam Kỳ. Năm 1862, việc vua Tự Đức ký hòa ước Nhâm Tuất, nhượng bộ một số quyền lợi cho quân Pháp đã vấp phải sự phản kháng của toàn xã hội. Năm 1870, trong tác phẩm chèo *Trò Kiều Tự*, vai Hề đã mượn sân khấu dân gian để chỉ trích vua Tự Đức. Trong đó có những đoạn “Trời sinh thánh “ê”; Trời sinh thánh đê; Ai chả biết đê với vương, nhưng không ai hỏi đến thì chẳng ê sừng ra à?; “Trị nước ngang lưng”; Trị nước lên ngôi; Trị nước lên ngôi thì ngôi mà chết,...! [6, tr.15]”.

Đầu thế kỷ XX đánh dấu một bước phát triển mới của nghệ thuật chèo. Phong trào *Chèo văn minh* và *Chèo cải lương* đã kiến chèo tiến một bước dài thêm. Lúc này chèo đã kích những yếu tố mê tín dị đoan. Hình ảnh thổ công, thổ địa, hay sơn thần được đưa lên sân khấu nhập vai. Các tác phẩm chèo được sáng tác và đưa vào diễn xướng theo hướng xây dựng những lớp hải tính cách, phù hợp với điều kiện xã hội, sở thích của khán giả.

¹ Nho giáo.

Trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật chèo, không thể không kể đến sự đóng góp của các nghệ sĩ, của người viết kịch bản chèo. Do các ghi chép không có nhiều, nên việc thống kê, tìm hiểu còn gặp khó khăn, các nhân vật chủ yếu ở thời cận, hiện đại.

Nguyễn Thị Minh Lý là diễn viên chèo được biết đến là nghệ sĩ có cuộc đời truân chuyên nhất. Bà sinh năm 1912 ở tỉnh Hải Hưng cũ, con gái của Trùm Thịnh - người cùng Nguyễn Đình Nghị và Cả Tam có đóng góp lớn cho sự nghiệp hiện đại hóa chèo đầu thế kỷ XX. Nguyễn Thị Minh Lý sớm bộc lộ tài năng chèo và nổi tiếng với các vai diễn trong *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Lọ nước thần*. Bà cũng góp phần đào tạo các lớp diễn viên chèo của Việt Nam.

Hoa Tâm là diễn viên chèo lấy chồng ngoại quốc. Những năm 40 của thế kỷ trước, bà là chủ một rạp hát có tên Quảng Tâm Ban được dựng ở chợ Bưởi (Hà Nội). Rạp lúc nào cũng đông khán giả, không kể ngày hay tối. Hoa Tâm là con gái trong một gia đình nông dân ở Kim Động, Hưng Yên. Từ khi còn nhỏ, bà đã học và hát được nhiều làn điệu chèo, tuồng, cải lương và năm 13 tuổi ba đã theo một gánh hát để học thêm.

Ngoài ra, trong thế kỷ XIX-XX còn có các nghệ sĩ nổi tiếng như: Nguyễn Văn Thịnh, Trịnh Thị Lan, An Văn Mực, Dị Hương, Năm Ngũ, Tư Liên, Lý Mầm, Mạnh Tuấn, Vũ Thị Tý, Kiều Bạch Tuyết, Phạm Hồng Lô,... Tiếp nối truyền thống của các nghệ sĩ đi trước, thời hiện đại có nghệ sĩ Thu Hiền, Đình Cường, Thanh Loan, Mai Thủy, Mạnh Thắng, Tụ Long, Thúy Ngân, Hồng Ngát, Thanh Ngoan, Huyền Phin,...

Quan Âm Thị Kính là một vở chèo nổi tiếng trong môn nghệ thuật này. Trong thế kỷ XX, Diễm Lộc là diễn viên chèo vào vai Xúy Vân được nhiều người yêu thích nhất. Bà tên thật là Phan Thị Diễm Lộc, sinh trưởng trong một gia đình chèo chuyên nghiệp. Hồi trẻ, bà đã dành nhiều thời gian vào việc học, luyện tập các làn điệu chèo khó. Diễm nổi bật ở Diễm Lộc là giọng hát sâu thẳm [7].

Chưa có một con số thống kê đầy đủ về số lượng tác phẩm chèo, song người nghe đa phần nhớ đến những tác phẩm nổi tiếng được diễn lại

nhiều lần trên sân khấu. Những làn điệu chèo cổ theo thời gian, khi các thế hệ nghệ sĩ lùi xa cũng dần vắng bóng trên sân khấu. Các làn điệu chèo nổi tiếng như: *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Sấp cổ phong*, *Sấp song loan*, *Sấp bắt hê*, *Sấp chờ*, *Sấp đan lông*, *Sấp mưa ngâu*, *Hát sấp thường*, *Sấp chênh*, *Sấp đặt để mà chơi*, *Hề mời com canh*, *Hề đơm đó*, *Hề bát môn*, *Hề môi duyên tình*, *Hề sư cụ*, *Gánh nước tưới cà*, *Hát châu bà chúa con cua*, *Cách cú*, *Em ăn phải miếng trầu*, *Lận đận*, *Hát vắn*, *Vắn cầm*, *Via Hué*,... [8].

2. Thực trạng nghệ thuật chèo đương đại

Sau những thế kỷ dài với nhiều thăng trầm của lịch sử và biến thiên thời đại, nghệ thuật chèo vẫn tồn tại. Trong hai cuộc kháng chiến (chống Pháp và chống Mỹ) cứu nước của dân tộc Việt Nam, loại hình nghệ thuật này vẫn tìm thấy được sức sống, phục vụ cho nhân dân, quân đội, góp phần đánh giặc cứu nước. Tuy nhiên, sau khi hòa bình lập lại, đất nước đi vào hàn gắn vết thương chiến tranh, đổi mới đất nước thì chèo lại khó tìm thấy một lối đi để phát triển như một thừa hưng thịnh trong lịch sử. Khi Pháp chiếm thành Hà Nội đã sai Đội Nghi chiêu mộ các nghệ sĩ để lập phường hát ở chợ Hôm nhằm hỗ trợ và củng cố tinh thần cho binh lính Pháp. Địa điểm diễn ở đây không phải sân đình như trong các làng xã mà là một nơi có mái che, có tường bao quanh và có cả sân diễn. Trước xu hướng có nhiều người đam mê xem hát chèo, các gánh chèo cũng nhờ đó mà được thành lập.

Ngoài chốn kinh kỳ, hầu khắp các tỉnh thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng đều có vài ba phường chèo, có tỉnh có đến năm bảy phường hoạt động theo mùa vụ cấy cày với hình thức trình diễn và tổ chức không khác các thế kỷ trước là bao. Chèo văn minh ra đời là bước chuyển hóa quá độ từ phương thức làm ăn phường hội (các nghệ sĩ diễn theo mùa vụ của các lễ hội, sân khấu ngoài trời có ba mặt) sang bước đầu theo hướng tư bản chủ nghĩa (các nghệ sĩ chèo làm thuê cho ông chủ, ăn lương và diễn xuất quanh năm trên các sân khấu hình hộp). So

sánh nghệ thuật chèo cổ (hay chèo sân đình) với chèo văn minh, nhà cải cách chèo Nguyễn Đình Nghị trong một lần trả lời phỏng vấn phóng viên rằng: chúng giống nhau ở chỗ các vai trò không cần thuộc vở, nhiều khi tùy trường hợp mà ứng khẩu, nhưng khác nhau ở chỗ chèo văn minh đã bắt đầu đề cập đến sinh hoạt ngày nay [9]. Sau Cách mạng tháng Tám (1945), các nghệ sĩ cải lương cũng như con cháu của họ và nhiều gánh chèo đã tham gia tích cực và trở thành lực lượng nòng cốt cho các đoàn cải lương chuyên nghiệp như: Đoàn Cải lương Hoa Mai ở Hà Tây; Đoàn Cải lương Phương Đông ở Hải Phòng; Đoàn Cải lương Bình Minh ở tỉnh Nam Hà (tỉnh Nam Định và Hà Nam cũ) và trong các đoàn cải lương của Trung ương và cả các địa phương.

Nhà hát chèo Việt Nam được hình thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam năm 1951. Tiền thân là Tổ Chèo trong Đoàn Văn công Nhân dân Trung ương. Nhà hát đã tập hợp được các nghệ sĩ ưu tú trong một chương trình khai thác và học tập vốn cổ trong nghệ thuật chèo. Nơi đây còn là trung tâm biểu diễn, nghiên cứu và đào tạo nghệ thuật chèo thuộc Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Trong quá trình hoạt động, các thể hệ nghệ sĩ Nhà hát chèo Việt Nam còn phục hồi, chỉnh lý, cải biên thành công nhiều vở chèo truyền thống như: *Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, Xúy Vân, Từ Thức, Trương Viên,...*

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam (1954-1975), mặc dù chiến tranh ác liệt, đất nước bị chia cắt, song chính yêu cầu của lịch sử, chính mưa bom, bão đạn lại thúc đẩy chèo tiếp tục tồn tại và có chỗ đứng sâu rộng trong đời sống văn hóa của các tầng lớp nhân dân. 7 nhà hát chèo, 8 đoàn chèo với tiền thân là các tổ Văn công trong thời kỳ kháng chiến từ năm 1954 đến năm 1963 đã từng bước phát triển và trở thành các nhà hát chèo, đoàn chèo.

Nhà hát chèo Hà Nội ra đời năm 1954, nằm trong trung tâm Tứ chiêng của chèo Việt Nam và đang là đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp mạnh nhất trong làng chèo Việt Nam hiện đại. Tiền thân của Nhà hát là Đoàn Lạc Việt, sau đổi thành Kim Lan, diễn tại rạp Lạc Việt (Hà Nội). Năm

2008, Nhà hát chèo Hà Tây cũ sáp nhập lại với Nhà hát chèo Hà Nội.

Nhà hát chèo Quân đội, tiền thân là Đội Văn công thuộc Cục Chính trị - Tổng cục Cung cấp của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập ngày 1/10/1954. Bên cạnh việc biểu diễn, các nghệ sĩ của Nhà hát còn chú trọng việc đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trẻ, giao lưu học hỏi nghệ sĩ các đoàn khác. Từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Nhà hát chèo Quân đội đã thực hiện thành công hơn 100 chương trình, vở diễn và có 5 Nghệ sĩ nhân dân, 32 nghệ sĩ ưu tú [10].

Năm 1959, Đoàn Văn công Sông Văn, tiền thân của Nhà hát chèo Ninh Bình được thành lập, nhiệm vụ chính là tuyên truyền, cổ vũ phong trào thi đua lao động sản xuất, chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân cũng như các lực lượng vũ trang địa phương. Những cán bộ nòng cốt ban đầu lấy từ các ban thông tin địch vận. Những tác phẩm được đoàn thể hiện có nội dung gắn liền với lịch sử, truyền thống dựng nước và giữ nước của Việt Nam như: *Nàng tiên bên núi Thủy, Lá cờ năm xưa, Vườn cam, Trần Quốc Toản, Thái hậu Dương Vân Nga, v.v..* [11].

Tháng 10 năm 1959, Đoàn nghệ thuật Chèo Nam Định, tiền thân của Nhà hát Chèo Nam Định được thành lập. Đoàn từng có các tên gọi Đoàn chèo Hà Nam (1966-1981) hay Đoàn chèo Hà Nam Ninh (1982-1992), rồi đến Đoàn chèo Nam Định, cuối cùng nâng cấp thành Nhà hát vào năm 2006.

Ra đời năm 1959 trong "cái nôi" của nghệ thuật chèo, với tiền thân là Đội Văn công chuyên nghiệp Thái Bình, Nhà hát chèo Thái Bình đã có nhiều đóng góp tích cực vào phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền của đất nước, đồng thời bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân tộc trên quê hương. Nhà hát chèo Thái Bình đã biểu diễn hơn 100 vở trong suốt quá trình phát triển, nhiều vở trong số đó nhận được những phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước như: huy chương vàng, huy chương bạc [12].

Nhà hát chèo Bắc Giang ra đời năm 1959, tiền thân là Đoàn nghệ thuật sông Thương. Ý thức được việc nâng cao kiến thức và trình độ

cho các nghệ sĩ nên khi mới thành lập, đoàn đã mời các nghệ sĩ ở Nhà hát chèo Việt Nam về dạy, truyền thụ kiến thức để dần dựng những vở chèo ban đầu. Trên cơ sở những thành tựu đạt được, các vở chèo dài như: *Súy Vân giả dại*, *Quan Âm Thị Kính*,...

Hải Dương là tỉnh thuộc trong chiếng chèo Đông (Hung Yên, Kiến An và Hải Dương). Là nơi sinh ra của những tên tuổi chèo lớn như: Phạm Thị Trân, Sái Át, Trùm Thịnh, Trùm Bông, Trịnh Thị Lan, Nguyễn Thị Minh Lý,... Nhà hát chèo Hải Dương ra đời năm 1960, tiền thân là Đoàn chèo Hải Dương. Trong quá trình hoạt động, để mở rộng quy mô hoạt động, năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã phê duyệt đề án nâng cấp Đoàn chèo Hải Dương thành Nhà hát chèo Hải Dương.

Ngoài các nhà hát chèo, các đoàn chèo ở các tỉnh cũng được thành lập và phục vụ hoạt động truyền bá văn hóa và phát triển nghệ thuật chèo.

Đoàn chèo Hải Phòng thành lập năm 1955; Đoàn chèo Quảng Ninh thành lập năm 1963, hiện nay thuộc Đoàn Nghệ thuật Quảng Ninh; Đoàn chèo Phú Thọ thành lập năm 1959, hiện nay thuộc Đoàn Nghệ thuật Phú Thọ; Đoàn chèo Yên Bái thành lập năm 1962, nay thuộc Đoàn Nghệ thuật Yên Bái; Đoàn chèo Thái Nguyên thành lập năm 1962, nay thuộc Đoàn Nghệ thuật Thái Nguyên; Đoàn chèo Tuyên Quang thành lập năm 1962, nay thuộc Đoàn Nghệ thuật Tuyên Quang; Đoàn chèo Thanh Hóa thành lập năm 1963, nay thuộc Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Thanh Hóa.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, “lính chèo” có mặt hầu khắp các binh trạm Trường Sơn, trên nhiều chiến trường, nhiều hướng chiến dịch, phục vụ bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến làm nhiệm vụ,... Nhiều lần điệu, trích đoạn chèo truyền thống của Đoàn đã được biểu diễn trực tiếp trên mặt trận và phát trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, như: Trần Quốc Toản ra quân, Nguyễn Viết Xuân, Đờng về trận địa, Lá thư tiên tuyến, Chuyến đò sông Mã, Anh lái xe và cô chống lầy,...

Kết thúc chiến tranh, Việt Nam bước vào thời kỳ Đổi mới với sự chuyển mình toàn diện của đất nước về kinh tế, văn hóa xã hội. Tuy nhiên cùng với sự phát triển và hội nhập này, nghệ thuật truyền thống nói chung, chèo nói riêng đã gặp phải những khó khăn nhất định, một trong những nguyên nhân cốt yếu là việc người dân không còn quan tâm và thích xem, nghe chèo như trước.

Các nhà hát chèo, đoàn chèo trong cả nước chưa đến con số 20, theo thời gian, các đoàn chèo còn sáp nhập vào đoàn nghệ thuật của các tỉnh càng cho thấy quy mô bị thu hẹp, các nhà hát chèo lớn cũng khó khăn trong xã hội công nghiệp hóa.

Theo các nhà nghiên cứu văn hóa, người Việt Nam nói chung và người nông dân ở nông thôn nói riêng không phải đã quay lưng lại với loại hình nghệ thuật chèo cũng như tuồng, cải lương mà là do sức hấp dẫn của các loại hình này không còn nữa. Các tác phẩm “kinh điển” được diễn đi diễn lại nhiều lần, sức sáng tạo các kịch bản mới còn ít và nội dung chưa thu hút. Một trong các vấn đề lớn đặt ra cho nghệ thuật chèo là hướng đi, hướng biểu diễn để duy trì chèo.

Theo Giáo sư Trần Bảng (Giáo sư nghệ thuật biểu diễn truyền thống) giải thích thì “chúng ta đang thiếu một đội ngũ cán bộ có chất lượng, nhất là những cây viết chuyên cho kịch hát dân tộc. Chúng ta đang sử dụng các nhà biên kịch được đào tạo viết kịch nói theo kiểu phương Tây để viết kịch bản cho kịch hát dân tộc. Kịch nói của phương Tây khác với kịch hát dân tộc về kết cấu, văn chương, cách xây dựng hình tượng nhân vật, đoạn kết. Do đó, một số vở tuồng, chèo, cải lương đã đánh mất bản sắc nghệ thuật, na ná như kịch nói” [7, tr. 86]. Trong những năm 60 của thế kỷ XX, ở Việt Nam có một lực lượng nghệ sĩ chuyên sáng tác, viết kịch bản nổi tiếng với những tên tuổi như: Trần Huyền Trân, Lưu Quang Thuận, Hàn Thế Du, Việt Dung, Tào Mạt. Thời gian đã làm vắng bóng những tên tuổi như thế. Những cây bút hiện đại vẫn chưa xuất hiện và bộc lộ tài năng để khỏa lấp yêu cầu của nghệ thuật chèo. Số có khả năng thì không thể cang đáng được nhu cầu về kịch bản của các nhà hát chèo, các đoàn chèo.

Nói về sức sống của chèo hiện nay, nghệ sĩ Thúy Mùi cho rằng: Hiện nay phong trào hát chèo ở các địa phương rầm rộ nhưng chưa hẳn những người đó đã đi xem chèo. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để những người thích hát chèo đi xem chèo. Giống như phong trào hát chèo, tỉnh nào cũng có câu lạc bộ, huyện nào cũng có câu lạc bộ nhưng người ta không mua vé đi xem chèo. Phải giải nghĩa được điều này. Yêu chèo không chỉ hát mà nên đi xem, cũng như diễn viên dù mới vào nghề hay giỏi đến mấy cũng nên đi xem bạn chèo diễn như thế nào. Không bao giờ khá lên được nếu không xem bạn diễn [13].

Thêm vào đó, đạo diễn chèo có thể phân biệt và tách bạch với cải lương, tuồng ngày càng ít. Để có được một tác phẩm biểu diễn thành công, đạo diễn phải nắm vững đặc điểm của từng loại hình nghệ thuật, biết chọn lọc và kết hợp giữa hát, múa và biểu diễn. Thực tế các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp hầu như không có đạo diễn chuyên trách. Họ mời đạo diễn kịch nói dàn dựng cho kịch hát dân tộc, rồi gọi đó là chỉ đạo nghệ thuật trong khi quảng cáo. Tuy nhiên, vẫn còn những đạo diễn có kiến thức sâu rộng về sân khấu truyền thống để dựng được những vở chèo nghiêm túc chất lượng. Sự kém hiểu biết dẫn đến cách tân một cách máy móc đã đem lại những hiểu lầm cho nghệ thuật chèo truyền thống.

Một nguyên nhân nữa ảnh hưởng đến việc phát triển nghệ thuật chèo hiện nay nằm ở chỗ, việc biểu diễn chèo còn mang tính nghiệp dư, khó thu hút người xem. Những người còn “chung thủy” với nghệ thuật này thường là đã có tuổi. Nhiều vở chèo được cải biên đã ảnh hưởng tiêu cực đến tính đa dạng của nghệ thuật dân tộc. Các đơn vị có biểu diễn chèo có xu hướng lấy kịch bản cũ, sau đó dựng lại, tác phẩm chèo hiện đại thiếu bóng. Thiếu kịch bản là vấn đề lớn cần giải quyết. Chèo diễn tích cổ nhiều quá, thành nệ cổ, diễn viên diễn chuyện hiện đại thì không chân thật nên khán giả xem sẽ thấy giả, không chạm vào trái tim khán giả. Chèo phải nói về đời sống hiện đại mới kéo được khán giả đến, nhất là khán giả trẻ. Lớp khán giả già đang mất dần, từ những năm 80 của thế kỷ trước, tôi thấy khán giả chèo đã 50 tuổi và đến bây giờ họ đã 80-90 tuổi rồi

[13]. Có thể thấy, nhiều năm qua chúng ta không phát triển thêm khán giả mà chỉ mất đi.

3. Bảo tồn và phát huy nghệ thuật chèo

Trước những dấu hiệu của xã hội trước nghệ thuật chèo ngày càng “nhạt” dần, Việt Nam đã nhận thức được vấn đề và bắt tay vào thực hiện những biện pháp trước mắt và lâu dài nhằm mục đích giữ gìn nghệ thuật chèo, phát triển loại hình này tới đa số quần chúng trong bối cảnh hội nhập và hợp tác quốc tế đang diễn ra mạnh. Quán triệt quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, những năm qua bên cạnh hoạt động của các nhà hát chèo, đoàn chèo, Việt Nam đã có những chính sách nhằm từng bước bảo tồn, phát huy được nghệ thuật chèo đương đại.

Về chính sách

Để bảo tồn, phát huy và quy tụ các nghệ sĩ chèo và các môn nghệ thuật truyền thống, Việt Nam thường xuyên tổ chức các hội thi, liên hoan văn nghệ truyền thống. Trong năm 2019, tỉnh Bắc Giang tổ chức thành công hai sự kiện quan trọng liên quan đến nghệ thuật truyền thống. Thứ nhất là Hội thảo khoa học *Thực trạng và giải pháp phát triển Nhà hát Chèo Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* diễn ra ngày 26/6/2019 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Bắc Giang do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Hội thảo tập trung làm rõ quá trình hình thành, phát triển cũng như đóng góp của Nhà hát Chèo Bắc Giang trong lịch sử và hiện tại. Các đại biểu cũng chỉ ra thực trạng của chèo cũng như hướng đi trong thời gian tới ở Bắc Giang nói riêng và các nhà hát chèo, đoàn chèo cả nước nói chung.

Thứ hai là Liên hoan Chèo toàn quốc năm 2019 đã diễn ra tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Bắc Giang từ ngày 14/9/2019 đến ngày 28/9/2019. Liên hoan khép lại với màn biểu diễn nghệ thuật do nghệ sĩ Nhà hát Chèo Bắc Giang thể hiện. Diễn đàn này quy tụ hơn 1000 nghệ sĩ, nhạc công của hầu hết các đơn vị trong cả nước. Trong quá trình tổ chức và diễn ra liên hoan, các nhà nghiên

cứu cũng như Ban tổ chức một mặt vui mừng vì nghệ thuật chèo vẫn tồn tại và có những tác phẩm thu hút người xem, song cũng không quá lạc quan trước thực trạng của chèo trong lòng xã hội.

Với mục đích, khuyến khích động viên các nghệ sĩ, nhạc công của nghệ thuật chèo đã có những đóng góp thâm lặng cho đất nước cũng như bộ môn này, nhà nước hàng năm đã dành tặng nhiều phần thưởng cao quý như: huy chương vàng, huy chương bạc, Huân chương Lao động, và nhiều phần thưởng cao quý khác. Một thực tế cho các bộ môn nghệ thuật truyền thống trong đó có chèo là các nghệ sĩ hầu như không sống được bằng chính nghề của mình. Đảng và nhà nước cần có chính sách chăm lo và xây dựng đội ngũ nghệ sĩ, nhạc công. Từ đó, các nghệ sĩ mới có điều kiện chuyên tâm sáng tác kịch bản, biểu diễn các tác phẩm trên sân khấu.

Cần tăng cường hơn nữa công tác giáo dục, nâng cao nhận thức trách nhiệm cũng như đạo đức nghề nghiệp của các nghệ sĩ chèo trong việc bảo tồn và phát huy chèo, vì chính họ là người quyết định hướng đi cho loại hình nghệ thuật này cả trong quá khứ và hiện tại. *Đề cương văn hóa năm 1943* của Đảng Cộng sản Đông Dương đã giác ngộ cũng như quy tụ các văn nghệ sĩ trong cả nước cùng nhân dân góp phần không nhỏ vào thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Từ Nghị quyết 23 năm 2008 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, nghệ thuật trong thời kỳ đổi mới* [14] đến Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2014) đã thông qua Nghị quyết về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* [15] đã cho thấy Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn quan tâm và tạo điều kiện để giữ gìn cũng như phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Từ đó, các nghệ sĩ chèo cần nhận thức được vai trò và tầm quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước cũng như giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống.

Về tuyển sinh, đào tạo nghệ sĩ

Năm 2015, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch ban hành Đề án đào tạo diễn viên, nhạc công cho

các đơn vị nghệ thuật tuồng, nghệ thuật chèo, nghệ thuật cải lương và dân ca kịch chuyên nghiệp trong cả nước giai đoạn 2016-2020. Động thái này là một tin vui cho nghệ thuật chèo nói riêng và các bộ môn nghệ thuật truyền thống khác nói chung. Ngoài trình bày ý nghĩa, tầm quan trọng của các loại hình nghệ thuật, Đề án cũng cho biết rõ lộ trình tuyển sinh cũng như nội dung đào tạo các nghệ sĩ và nhạc công biểu diễn cho các loại hình nghệ thuật truyền thống. Hoạt động này trả lời được bài toán về việc thiếu diễn viên, nhạc công chuyên nghiệp cho nghệ thuật chèo.

Theo Nghệ sĩ nhân dân Thúy Mùi, cơ hội hiện tại của chèo còn rất lớn và không bị hạn chế như các loại hình nghệ thuật truyền thống khác, tuy nhiên hiện tại chèo vẫn đang cầm cự chứ chưa phát triển. Để bộ môn nghệ thuật truyền thống này được sống khỏe và phát triển, điều cần hơn cả là tâm huyết, sự lao tâm khổ tứ đến mức khổ hạnh của những nhà quản lý. Đồng quan điểm với nghệ sĩ Thúy Mùi, cách đây cả hai thập kỷ Giáo sư Trần Bảng cho rằng chúng ta cần phải đào tạo một đội ngũ những người viết, đạo diễn, nhạc sĩ và họa sĩ chuyên nghiệp.

Để khắc phục những khó khăn về nhân sự cho “thị trường” chèo truyền thống, tự thân các đơn vị nghệ thuật cũng như các trường đào tạo nghệ sĩ, nhạc công phải tự chủ động tìm hướng đi riêng cho mình để bù đắp những khoảng trống của nghệ thuật chèo hiện nay. Như phương thức Nhà hát Chèo Việt Nam vẫn thực hiện trong các năm qua là tự tổ chức tuyển sinh cũng như mở các lớp liên kết đào tạo nhằm bổ sung lực lượng nghệ sĩ cho các môn nghệ thuật truyền thống nói chung và chèo nói riêng.

Về sáng tác kịch bản

Trước những khó khăn trong việc tìm kiếm hướng đi cũng như phát triển nghệ thuật chèo, vấn đề đặt ra là, bên cạnh việc bảo tồn, muốn phát huy các giá trị của chèo cần tiếp tục có những đổi mới cả về nội dung và hình thức để phù hợp với thị hiếu của khán giả hiện nay.

Việc cách tân chèo trên nền chèo cổ mà không làm đứt mạch truyền thống là vấn đề đặt

ra cấp bách cho các nghệ sĩ thể hiện cũng như người viết kịch bản chèo. Trước hết cần nghiên cứu những vấn đề lý luận về nghệ thuật chèo cổ và những vở chèo hiện đại trong sự tiếp biến văn hóa; Thực trạng phát triển nghệ thuật chèo trong xã hội hiện nay; Ảnh hưởng của môi trường văn hóa, xã hội với nghệ thuật sân khấu truyền thống nói chung, nghệ thuật chèo nói riêng; Từ đó đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển nghệ thuật Chèo. Để làm được như vậy, cần bảo tồn, sưu tầm kịch bản và dựng lại những vở diễn, những tích cổ có tính nghệ thuật cao; Dựng lại các vở diễn xuất sắc của các nhà hát chèo, đoàn chèo trên cả nước; Bảo tồn để phổ biến những làn điệu, động tác múa chèo cho các nghệ sĩ trẻ.

Ngoài ra, cũng cần phải quan tâm đến việc bảo tồn và phát triển nhạc khí trong dàn nhạc sân khấu chèo hiện nay; Bảo tồn, lưu giữ trang phục, cách bài trí sân khấu, hóa trang và đề xuất những giải pháp thiết thực, cụ thể nhằm bảo tồn, phát triển chèo. Có một thực tế đang diễn ra là, việc bảo tồn, phát triển loại hình nghệ thuật chèo là việc làm hết sức khó khăn, đòi hỏi Đảng và nhà nước cũng như các nghệ sĩ, nhạc công tâm huyết với chèo cần phải cùng cố gắng. Những chính chỉ đạo cần phù hợp, động viên sức mạnh tập thể, bám sát hơi thở thực tiễn và nhu cầu thưởng thức của công chúng để có những tác phẩm hay nhưng vẫn giữ được cốt cách của chèo trong đời sống văn học - nghệ thuật dân tộc.

4. Kết luận

Chèo là một loại hình nghệ thuật truyền thống của Việt Nam đến nay đã hơn 1000 năm tuổi. Cùng với sự phát triển của lịch sử, kinh tế, văn hóa xã hội hiện đại, chèo đã phát triển “không kịp” và đang tìm chỗ đứng trong lòng khán giả. Những vở chèo cổ gắn liền với đời sống vật chất và tinh thần trong các làng quê, đó còn là tiếng lòng, sự phản kháng trong một xã hội bất công. Nhờ những giá trị tinh thần như chèo mang lại, mà người nông dân trong các làng xã có niềm tin, ý chí hơn vào một cuộc sống tươi đẹp, chiếu chèo là phút thư giãn sau những ngày

mùa bận rộn. Tiếng chèo gắn liền với con người từ khi sinh ra cho tới khi về với đất mẹ vĩnh hằng.

Lịch sử Việt Nam đã ghi nhận những thế kỷ chèo phát triển cực thịnh, không chỉ đối với tầng lớp nông dân lao động và còn được lưu hành cả trong giới thượng lưu. Sự du nhập và phát triển của các tôn giáo, học thuyết đã phần nào đẩy chèo xa hơn với tầng lớp trên của xã hội. Thời kỳ hiện đại, cùng với quá trình hội nhập văn hóa và kinh tế, một lần nữa trước làn sóng của cách mạng công nghiệp, nghệ thuật chèo đã bộc lộ những nhược điểm cố hữu (về kịch bản, đội ngũ nghệ sĩ) không phù hợp với sự phát triển của thời đại.

Thời gian gần đây, cũng có những tín hiệu lạc quan cho nghệ thuật chèo và các nghệ sĩ của bộ môn nghệ thuật này, đó là việc Đảng và nhà nước có những chính sách khuyến khích phát triển chèo, quan tâm đến việc bồi dưỡng các nghệ sĩ được thể chế hóa thành văn bản. Song, điều cốt lõi nằm ở nội dung chèo và tầng lớp văn nghệ sĩ biểu diễn nó. Họ cần phải làm mới nội dung, cách thể hiện nghệ thuật chèo. Các vở chèo cổ được diễn đi diễn lại qua nhiều thế kỷ đã tỏ ra không phù hợp với thị hiếu của khán giả hiện đại, khi mà công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng, làng xã phát triển xa với trạng thái nguyên thủy của nó, con người cũng đã thay đổi tư duy, nhận thức và sở thích. Tuy nhiên, việc làm mới nội dung và hình thức cần phải được xem xét kỹ lưỡng để không đánh mất đi giá trị cốt lõi và linh hồn của chèo, đây là một thử thách sống còn với chèo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Huu Ngoc, Lady Borton, Chèo, The Gioi Publisher, Hanoi, 2008.
- [2] Vietnam Stage Artists Association, History and characteristics of Vietnamese Cheo, 2013, <https://sankhau.com.vn/news/lich-su-va-dac-diem-nghe-hat-cheo-viet-nam.aspx> (accessed 10 March 2020).
- [3] Official Nguyen-era compilation of Vietnamese history, geography and people, The Imperially Ordered Annotated Text Completely Reflecting the

- History of Viet (In Vietnamese), Education Publishing House, Hanoi, 2007, pp. 287-288.
- [4] Nguyen Thi Bich Hanh, Cheo script at the beginning of the twentieth century - tradition and transformation (In Vietnamese), Doctor Dissertation, Academy of Social Sciences, 2019, p.10.
- [5] Le Tac, Abbreviated Records of An Nam (In Vietnamese), Labor Publisher, Hanoi, 2009.
- [6] Ha Van Cau, Chèo's Clown (In Vietnamese), Tre Publishing House, Hanoi 2005.
- [7] Huu Ngoc, Lady Borton, Chèo (In Vietnamese), The Gioi Publisher, Hanoi, 2008.
- [8] Hoang Kieu, The selected ancient Chèo melodies (In Vietnamese), Culture Information Publishing House, Hanoi, 2007.
- [9] Dam Ngoc Huy, Vietnamese Chèo singing, 2005, <http://chimviet.free.fr/dantochoc/hatcheo/cheo01.htm> (accessed 1st June 2020).
- [10] Ngoc Anh, Vietnamese People's Army Cheo Theater celebrates 65 years of Traditional Day (In Vietnamese), 2019, <https://vovworld.vn/vi-VN/van-hoa/nha-hat-cheo-quan-doi-nhan-dan-viet-nam-ky-niem-65-nam-ngay-truyen-thong-788752.vov> (accessed 1st June 2020).
- [11] Nguyen Quang Thap, Chèo Theater Ninh Binh, half a century of construction and development (In Vietnamese), 2016, <http://nhahatcheovietnam.vn/nha-hat-cheo-ninh-binh-nua-the-ky-xay-dung-va-phat-trien/> (accessed 15 May 2020).
- [12] Hong Hanh, Cheo Theater Thai Binh: 60 years to keep the traditional art fire (In Vietnamese), 2019, <http://thaibinhvtv.vn/news/55/50542/nha-hat-cheo-thai-binh-60-nam-giu-lua-nghe-thuat-truyen-thong> (accessed 15th May 2020).
- [13] Hanh Nguyen, Cheo is holding on, 2019, <https://www.nhandan.com.vn/quoituan/doi-song-van-hoa/item/41712302-cheo-dang-cam-cu.html> (accessed 1st June 2020).
- [14] The Politburo, Resolution No. 23-NQ/TW on the sustained construction and development of literature and arts in the new era (In Vietnamese), Hanoi, 2008.
- [15] Central Committee of the Communist Party of Vietnam, Resolution No. 33-NQ/TW of the 9th Plenary Session of the 11th Central Committee on the construction and development of Vietnamese culture and people to meet national sustainable development requirements (In Vietnamese), Hanoi, 2014.